**NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN ĐỊA 12**

**TUẦN 9: TỪ 04/04 đến 09/4/2022**

**(BAN KHTN)**

**Bài 41: VẤN ĐỀ SỬ DỤNG HỢP LÍ VÀ CẢI TẠO TỰ NHIÊN Ở ĐB SÔNG CỬU LONG**

**I. Điều kiện phát triển**

**1. Hợp phần lãnh thổ**

- ĐBSCL gồm 13 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Long An, Tiền Giang, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.

- Diện tích 4 triệu ha (chiếm 12% diện tích toàn quốc).

- Là đồng bằng châu thổ lớn nhất cả nước.

**2. Các thế mạnh và hạn chế**

a. Thế mạnh

- Đất là tài nguyên quan trọng hàng đầu của ĐBSCL, gồm có 3 nhóm đất chính:

+ Đất phù sa nước ngọt, diện tích 1.2 triệu ha, phân bố thành một dải dọc sông Tiền và sông Hậu, đây là loại đất tốt nhất, độ phì tương đối cao, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp.

+ Nhóm đất phèn có diện tích lớn nhất, 1.6 triệu ha. Bao gồm đất phèn ít, trung bình và nhiều. Phân bố chủ yếu ở Đồng Tháp Mười, Hà Tiên, bán đảo Cà Mau.

+ Nhóm đất mặn 75 vạn ha, phân bố thành vành đai ở biển Đông và vịnh Thái Lan.

- Khí hậu: Nền nhiệt đới ẩm, khí hậu của đồng bằng thể hiện rõ rệt tính chất cận xích đạo, thuận lợi cho phát triển sản xuất.

- Nước: Vai trò lớn nhất là sông Cửu Long, mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, cắt xẻ châu thổ thành những ô vuông, tạo điều kiện để phát triển giao thông, sản xuất và sinh hoạt.

- Sinh vật là nguồn tài nguyên có giá trị, thực vật chủ yếu là rừng tràm và rừng ngập mặn, động vật có giá trị nhất là cá và chim.

- Tài nguyên biển rất phong phú với hàng trăm bãi cá, bãi tôm và hơn nửa triệu ha mặt nước nuôi trồng thuỷ sản.

- Khoáng sản chủ yếu là đá vôi (Hà Tiên, Kiên Lương), than bùn (U Minh, tứ giác Long Xuyên). Ngoài ra còn có dầu khí ở thềm lục địa.

b. Hạn chế

- Mùa khô kéo dài từ tháng XII đến tháng IV năm sau, vì thế nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền, làm tăng độ chua và mặn trong đất, ngoài ra còn ảnh hưởng của các tai biến thiên nhiên.

- Phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn. Đất thiếu dinh dưỡng, thiếu các nguyên tố vi lượng, đất quá chặt, khó thoát nước.

- Tài nguyên khoáng sản hạn chế.

**II. Sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên**

**1. Vì sao phải sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên**

- Thiên nhiên có nhiều ưu thế và được khai thác mạnh mẽ trong những năm gần đây.

- Sử dụng và khai thác hợp lí nhằm biến đồng bằng này thành một khu vực kinh tế quan trọng của đất nước trên cơ sở phát triển bền vững.

- Một số vấn đề khó khăn đang được đặt ra là thiếu nước vào mùa khô, đất bị nhiễm mặn, nhiễm phèn. Vì vậy phải thau chua rửa mặn, kết hợp giống mới.

- Diện tích rừng bị giảm sút do nhu cầu tăng diện tích đất nông nghiệp.

**2. Biện pháp sử dụng hợp lí**

- Khai thác hợp lí và bảo vệ môi trường.

- Chia ruộng thành những ô vuông nhỏ để có nước thau chua rửa mặn, tạo những giống lúa chịu được phèn, mặn…là biện pháp để sử dụng tốt nguồn nước ngọt ở các sông và trong lòng đất trong mùa khô.

- Duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng. Sử dụng đúng mức trong việc khai thác rừng để phát triển nông nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Chuyển đổi cơ cấu kinh tế nhằm phá thế độc canh cây lúa.

- Khai thác kinh tế biển phải kết hợp với biển đảo, quần đảo và đất liền để tạo ra thế mạnh kinh tế liên hoàn.

- Cần chủ động sống chung với lũ, khai thác các nguồn lợi do lũ mang lại.

**Bài 42: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, AN NINH QUỐC PHÒNG Ở BIỂN ĐÔNG**

**VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO**

**I. Vùng biển và thềm lục địa nước ta giàu tài nguyên**

- Nước ta có vùng biển rộng: có 3260 km đường bờ biển, có các vùng biển rộng lớn, gấp nhiều lần đất liền, có hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ.

- Có nhiều điều kiện phát triển kinh tế biển

\* Nguồn lợi sinh vật biển:

+ Có độ sâu trung bình, vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan là vùng biển nông, nhiệt đới ấm quanh năm, niều ánh sáng, giàu oxi, độ muối trung bình khoảng 30 – 33%o, sinh vật biển phong phú, giàu thành phần loài, nhiều loài có giá trị kinh tế cao như cá, tôm, cua mực, đồi mồi, hải sâm, tổ yến…

+ Năng suất sinh học cao, nhất là vùng ven bờ.

+ Có trên 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm, vài chục loài mực, hàng nghìn loài sinh vật phù du và sinh vật đáy.

+ Các rạn san hô cùng đông đảo các loài sinh vật kác ở ven các đảo nhất là Hoàng Sa, Trường Sa.

\* Tài nguyên khoáng sản, dầu mỏ và khí tự nhiên

+ Nguồn muối vô tận, hàm lượng muối cao nhất là ở các biên miền trung

+ Có nhiều sa khoáng như oxit titan có giá trị xuất khẩu cao, cát trắng ở Quảng Ninh, Khánh Hoà là nguồn nguyên liệu quý để làm thuỷ tinh, pha lê.

+ Vùng thềm lục địa có trử lượng lớn và giàu giá trị nhất là dầu khí (lớn nhất là bể Nam Côn Sơn và Cửu Long, tiếp đến là Thổ Chu – Mã Lai, sông Hồng và những vùng có thế chứa dầu khí khác).

\* Có điều kiện phát triển giao thông vận tải biển, gần các tuyến đường hàng hải quốc tế, có nhiều vùng biển kín, cửa sông thuận lợi xây dựng cảng sông và cảng biển.

\* Thuận lợi phát triển du lịch biển đảo: có nhiều bãi tắm đẹp, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt, thuận lợi cho phát triển du lịch an dưỡng, du lịch thể thao.

**II. Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển:**

**1/ Thuộc vùng nước ta có hơn 4000 hòn đảo nhỏ:**

- HS đọc Atlat: kể tên 1 số hòn đảo lớn, quần đảo của VN …

- **Ý nghĩa:** Các đảo và quần đảo có ý nghĩa chiến lược trong phát triển kinh tế và bảo vệ an ninh vùng biển. Các đảo và quần đảo tạo thành hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền, là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

**2/ Các huyện đảo ở nước ta:**

Đến năm 2006, nước ta có các huyện đảo sau:

- Huyện đảo Vân Đồn và huyện đảo Cô Tô (tỉnh Quảng Ninh)

- Huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ (TP. Hải Phòng)

- Huyện đảo Cồn Cỏ (tỉnh Quảng Trị)

- Huyện đảo Hoàng Sa (TP. Đà Nẵng)

- Huyện đảo Lý Sơn (tỉnh Quảng Ngãi)

- Huyện đảo Trường Sa (tỉnh Khánh Hòa)

- Huyện đảo Phú Quý (tỉnh Bình Thuận)

- Huyện đảo Côn Đảo (tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

- Huyện đảo Kiên Hải và huyện đảo Phú Quốc (tỉnh Kiên Giang)

**III. Khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo**

**1. Tại sao phải khai thác tổng hợp**

- Hoạt động kinh tế biển đa dạng: đánh bắt và nuôi trồng hải sản, khai thác các đặc sản, khai thác khoáng sản trong nước biển và trong lòng đất, du lịch biển và giao thông vận tỉa biển. Chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường.

- Môi trường biển biển là không chia cắt được. Bởi vậy, một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, cho các vùng nước và đảo xung quanh.

- Môi trường đảo, do sự biệt lập nhất định của nó, không giống như trên đất liền, lại do có diện tích nhỏ, nên rất nhạy cảm trước tác động của con người. Chẳng hạn, việc chặt phá rừng và lớp phủ thực vật có thể làm mất đi vĩnh viễn nguồn nước ngọt, biến đảo thành nơi con người không thể cư trú được.

**2. Khai thác tài nguyên sinh vật biển đảo**

- Việc đánh bắt thuỷ sản cần tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ, tránh khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao, cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất huỷ diệt nguồn lợi.

- Đánh bắt xa bờ nhằm khai thác tốt hơn nguồn lợi hản sản, bảo vệ vùng trời, vùng biển và vùng thềm lục địa của nước ta.

**3. Khai thác tài nguyên khoáng sản**

a. Hiện trạng

- Nghề làm muối là nghề truyền thống, phát triển mạnh ở nhiều địa phương, nhất là duyên hải nam trung bộ. Hiện nay, việc sản xuất muối công nghiệp đã dược tiến hành và đem lại năng suất cao.

- Công tác thăm dò và khai thác dầu khí trên vùng thềm lục địa đã được đẩy mạnh cùng với việc mở rộng các dự án liên doanh với nước ngoài.

- Việc khai thác các mỏ khí tự nhiên và thu hồi khí đồng hành, đưa vào đất liền đã mở ra bước phát triển mới cho công nghiệp làm khí hoá lỏng, làm phân bón và sản xuất điện.

- Trong tương lai, các nhà máy lọc, hoá dầu được xây dựng và đi vào hoạt động sẽ nâng cao hơn nữa hiệu quả kinh tế của công nghiệp dầu khí.

b. Biện pháp: Tránh để xảy ra sự cố môi trường trong khi thăm dò, khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

**4. Phát triển du lịch**

a. Hiện trạng

- Các trung tâm du lịch biển đã được nâng cấp, nhiều vùng biển, đảo mới được đưa vào khai thác.

- Hình thành các khu du lịch Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Nha Trang, Vũng Tàu…

b. Biện pháp

- Kết hợp phát triển du lịch biển đảo và các di tích lịch sử cách mạng.

- Bảo vệ môi trường biển và các hệ sinh thái ven biển.

**5. Giao thông vận tải**

a. Hiện trạng

- Hàng loạt cảng hàng hoá được cải tạo, nâng cấp như cụm cảng Sài Gòn, Hải Phòng, Quảng Ninh, Đà Nẵng…để phát triển kinh các tỉnh duyên hải và cả nước.

- Các cảng nước sâu được xây dựng như Cái Lân, Nghi Sơn, Vũng Áng, Dung Quất, Vũng Tàu…

- Các cảng nhỏ khác được xây dựng ở hầu hết các tỉnh ven biển.

- Các tuyến vận tải hàng hoá và hành khách thường xuyên đã nối liền các đảo với đất liền, góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở các tuyến đảo.

b. Biện pháp

- Cải tạo, nâng cấp các cụm cảng và cảng để nâng cao năng lực bốc dỡ hàng hóa. Xây dựng các cảng trung chuyển tầm cở quốc tế.

- Mở rộng các tuyến đường biển nọi địa và quốc tế.

- Chú ý bảo vệ môi trường biển.

**IV. Tăng cường hợp tác với các nước láng giềng trong giải quyết các vấn đề về biển và thềm lục địa**

- Biển Đông là biển chung giữa Việt Nam và nhiều nước láng giềng.

- Tạo ra sự phát triển ổn định trong khu vực, bảo vệ được lợi ích chính đáng của Nhà nước và nhân dân ta.

- Giữ vững chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nước ta.

- Việt Nam là nước Đông Nam Á lục địa có nhiều lợi ích nhất ở biển Đông. Vì vậy, mỗi công dân Việt Nam đề có bổn phận bảo vệ vùng biển và hải đảo của đất nước.

---Hết---